

THỰC TRẠNG Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VỚI MÔ HÌNH DOANH NGHIỆP SPIN-OFF TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐA NGÀNH

● HUỲNH VĂN BÌNH¹ - PHAN VĂN ĐÀN²
- CHÂU THỊ LỆ DUYÊN¹ - NGUYỄN TRỌNG NGUYÊN¹ - NGUYỄN HUỲNH NHƯ¹

¹Trường Kinh tế - Trường Đại học Cần Thơ

²Trường Đại học Bạc Liêu

DOI: <https://doi.org/10.62831/202504035>

TÓM TẮT:

Nghiên cứu được thực hiện tại trường đại học đa ngành thông qua khảo sát 504 đáp viên (bao gồm: sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh). Thực trạng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bằng mô hình doanh nghiệp spin-off thể hiện qua 13 nhân tố được đo lường bởi thang đo Likert 5 mức độ. Kết quả cho thấy học viên có mức độ đồng ý cao đối với việc thành lập doanh nghiệp spin-off. Trong đó, đặc điểm và tính cách cá nhân là nhân tố có mức độ đồng ý cao nhất cần được xem xét và cải thiện bằng các giải pháp thiết thực.

Từ khóa: ý định kinh doanh, đổi mới, spin-off.

1. Đặt vấn đề

Spin-off là một loại hình doanh nghiệp đầy triển vọng, tuy nhiên những nghiên cứu về vấn đề này vẫn còn khiêm tốn, hệ thống pháp lý chưa hoàn thiện, chủ yếu dựa vào Điều 106 của Luật Khoa học và Công nghệ (Quốc hội, 2013). Đa phần các tài liệu chỉ ở mức độ tìm hiểu, tổng hợp và đánh giá những mô hình lý thuyết hay thực nghiệm ở các nước phát triển. Điều đó chưa đủ vì quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp spin-off phụ thuộc nhiều yếu tố (vì mô đến vĩ mô, chủ quan đến khách quan), điều kiện đặc thù của mỗi quốc gia và hoạt động khoa học công nghệ

của từng viện/trường, nhưng trước hết cần có ý định khởi nghiệp. Dù ý định khởi nghiệp đã được đề cập ở nhiều nghiên cứu (Boissin và ctv., 2009; Steinmetz và ctv., 2021) nhưng ý định khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại trường đại học đa ngành thông qua mô hình spin-off là một góc độ hoàn toàn mới. Doanh nghiệp spin-off còn khá mới mẻ, đa phần thiếu vốn đầu tư ban đầu và chưa có tài sản thế chấp nên khó tiếp cận vốn vay từ ngân hàng thương mại (Thống, 2022). Hiện nay có một số quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), nhưng việc tiếp cận phức tạp và thủ tục rườm rà (Thu và ctv.,

2018). Hơn nữa, hệ sinh thái phải đủ mạnh để làm nền tảng, mang đến cơ hội xây dựng và tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp spin-off.

Thực tế, trường đại học đa ngành có những lợi thế nhất định và điều kiện đặc thù để phát triển doanh nghiệp spin-off. *Thứ nhất*, cơ sở khoa học vững chắc, sở hữu đội ngũ giảng viên, cán bộ giàu kinh nghiệm và chuyên môn, cùng với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và phát triển (R&D). *Thứ hai*, lực lượng học viên trẻ, năng động, sáng tạo, được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng, trở thành nguồn nhân lực dồi dào cho doanh nghiệp spin-off. *Thứ ba*, môi trường hỗ trợ khởi nghiệp được xây dựng bài bản với hệ thống chính sách hỗ trợ khởi nghiệp. Tuy nhiên, các trường vẫn tồn tại những khó khăn khi ứng dụng mô hình spin-off, điều đó được thể hiện rõ qua cơ chế quản trị, nền tảng pháp lý và khả năng thương mại.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Ý định khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Lý thuyết về ý định khởi nghiệp có tương quan mật thiết với tiến trình nhận thức rủi ro và phù hợp với động cơ khởi nghiệp dựa trên nhu cầu. Nhìn chung, ý định khởi nghiệp được định nghĩa là ý định bắt đầu khởi sự kinh doanh của một cá nhân, một trạng thái thúc đẩy họ đi đến quyết định thành lập doanh nghiệp mới (Miranda và ctv., 2017).

Theo OECD (2005), đổi mới sáng tạo là việc thực thi một sản phẩm, dịch vụ hoặc quy trình mới được cải tiến, một phương pháp marketing hay một biện pháp mới mang tính tổ chức trong hoạt động thực tiễn. Katz (2007) đề cập đến việc tạo lập, phát triển và ứng dụng thành công ý tưởng mới và độc đáo; đưa ra sản phẩm, quy trình và chiến lược phát triển; dẫn đến sự thành công trong kinh doanh, tạo ra giá trị cho các chủ thể liên quan và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đổi mới sáng tạo được coi là chìa khóa cho sự thành công của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và sự phát triển của nền kinh tế tri thức.

2.2. Doanh nghiệp spin-off

Thuật ngữ spin-off xuất hiện tạo ra nhiều quan điểm đa dạng. Smilor và ctv. (1990) cho rằng, một

công ty được thành lập bởi giảng viên, nhân viên hoặc sinh viên đã rời trường đại học hoặc thành lập công ty trong khi vẫn liên kết với trường, xoay quanh công nghệ hoặc ý tưởng khoa học. Weatherston (1995) thiên về hướng thương mại, một ý tưởng kinh doanh được khởi xướng với những nhà khoa học có tinh thần kinh thương đóng vai trò quan trọng trong kế hoạch sáng lập và quản lý. Khái niệm của Bellini và ctv. (1999) chi tiết hơn, công ty được thành lập bởi giáo viên hay sinh viên để thương mại hóa kết quả nghiên cứu mà họ đã tham gia. Klosthen & Jones-Evans (2000) bổ sung thêm một văn phòng được thành lập nhằm khai thác kết quả nghiên cứu.

Theo Li và ctv. (2020) spin-off là một khái niệm chung chung và khó đưa ra một cách hiểu thống nhất. Trên cơ sở tìm hiểu các quan điểm khác nhau, spin-off là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ, hình thành dựa trên cơ sở khai thác kết quả nghiên cứu được tạo ra bởi các viện/trường hoặc cá nhân hay tập thể có trình độ kiến thức và năng lực chuyên môn, có tinh thần kinh doanh độc lập. Những khái niệm gần đây ngày càng cụ thể, trong đó doanh nghiệp spin-off được xem là doanh nghiệp khởi nguồn với hình thức đồng sở hữu giữa cơ quan và nhà sáng chế, quản lý độc lập với cơ sở nghiên cứu (Minh, 2022).

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong các trường đại học đa ngành tại Việt Nam, Trường Đại học Cần Thơ (CTU) là một trong những đơn vị tiêu biểu, đào tạo 121 chuyên ngành đại học, 51 chuyên ngành cao học và 21 chuyên ngành nghiên cứu sinh. Trải qua 58 năm hoạt động, CTU có đầy đủ điều kiện để phát triển doanh nghiệp spin-off. Vì vậy, tác giả lựa chọn CTU để thu thập dữ liệu sơ cấp. Ngoài ra, số liệu thứ cấp được cung cấp từ các báo cáo chuyên môn của CTU. Do tác giả nắm được quy mô tổng thể với 35.319 học viên (Báo cáo thống kê định kỳ CTU, 2023) nên có thể áp dụng công thức:

$$n = z^2 \frac{p(1-p)}{e^2}$$

Sau khi tính toán, cỡ mẫu tối thiểu cần 396 đáp viên, nhưng để đảm bảo tính đại diện, số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tuyến 120 đáp viên và trực tiếp 399 đáp viên bằng bảng câu hỏi được soạn sẵn, theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Sau khi loại bỏ 15 phiếu không hợp lệ, tác giả sử dụng cỡ mẫu 504. Ngoài ra, việc tham vấn ý kiến của 12 chuyên gia giúp đảm bảo tính khoa học cho nghiên cứu.

Bên cạnh đó, thống kê mô tả là phương pháp phân tích số liệu liên quan đến việc tóm tắt, trình bày, tính toán và mô tả đặc trưng số học nhằm phản ánh một cách tổng quan về đối tượng nghiên cứu (Nam, 2008). Tác giả vận dụng phương pháp này để thể hiện đặc điểm của học viên, xác định mức độ phân bố của các chỉ tiêu, thông qua giá trị trung bình và tần số.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thống kê mô tả về thông tin đáp viên

Nghiên cứu thực hiện khảo sát trên 320 học viên nữ (chiếm 63,50%). Độ tuổi chủ yếu nằm trong nhóm 1 (18 - 25 tuổi) chiếm tỷ trọng 91,47%. Ở các nhóm tuổi còn lại: 26-30 tuổi (3,97%), 31 - 40 tuổi (3,37%) và 40 tuổi trở lên (1,19%) được thu thập nhằm đa dạng hóa. (Bảng 1)

Mỗi bậc học sẽ cung cấp kiến thức ở mức độ khác nhau. Sinh viên chiếm tỷ trọng cao nhất (91,87%), họ sẵn sàng tiếp thu kiến thức mới và thử thách bản thân nhằm tạo ra những giá trị đột phá. Nhóm sau đại học gồm học viên cao học và nghiên cứu sinh lần lượt chiếm 7,34% và 0,79%.

Tiếp cận với mô hình spin-off là cơ hội củng cố và hoàn thiện ý tưởng khởi nghiệp nên tác giả muốn xác định, phương tiện truyền thông nào dễ dàng tiếp cận với học viên, mang đến hiểu biết đúng đắn về spin-off. (Bảng 2)

Kết quả 242 học viên đã biết đến doanh nghiệp spin-off và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đa phần thông qua mạng xã hội (23,81%) nơi sở hữu lượng người dùng khổng lồ và học viên có cơ hội chia sẻ ý tưởng, tìm kiếm cộng sự, thu hút sự quan tâm và hỗ trợ từ hệ sinh thái. Học viên cũng được tiếp cận với doanh nghiệp spin-off thông qua hệ thống bài giảng chiếm tỷ trọng 10,71%.

4.2. Các nhân tố liên quan đến ý định khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Kết quả cho thấy 84,62% các nhân tố ở mức độ đồng ý (3,41-4,20) với các nhận định được đề xuất, chỉ riêng 2 nhân tố được đánh giá ở mức trung lập (NT=3,120 và TT=3,312). Đặc điểm và tính cách cá nhân thể hiện mức độ đồng ý cao nhất trong 13 nhân tố. Con đường khởi nghiệp đi kèm với nhiều gian nan, nên kiên trì được xem là mấu chốt của vấn đề. Bên cạnh đó, những nhân tố quan trọng tiếp theo lần lượt gồm: DT=3,819; CH=3,751; CQ=3,745; KV=3,692; TD=3,660. Trong giáo dục khởi nghiệp, thang đo đạt giá trị cao nhất là DT3, cách tốt nhất để tiếp cận với học viên là thông qua chương trình đào tạo, hoạt động ngoại khóa và các cuộc thi khởi nghiệp. Xét về nền tảng truyền thống gia đình, lời khuyên từ người thân là cần thiết nhất trong việc thúc đẩy ý định khởi nghiệp. Đối với khả

Bảng 1. Giới tính và độ tuổi

Độ tuổi	Giới tính				Tổng cộng (quan sát)	Tỷ trọng (%)
	Nam (quan sát)	Tỷ trọng (%)	Nữ (quan sát)	Tỷ trọng (%)		
Từ 18 đến 25 tuổi	167	33,13	294	58,33	461	91,47
Từ 26 đến 30 tuổi	5	0,99	15	2,98	20	3,97
Từ 31 đến 40 tuổi	8	1,59	9	1,79	17	3,37
Từ 40 tuổi trở lên	4	0,79	2	0,40	6	1,19
Tổng cộng	184	36,50	320	63,50	504	100,00

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát của tác giả, 2024

Bảng 2. Khả năng nhận diện mô hình spin-off

Tiếp cận	Tần số (quan sát)	Tỷ trọng (%)
Chưa tiếp cận	262	51,98
Đã tiếp cận	242	48,02
1. Sách, giáo trình, tài liệu và tạp chí	45	8,93
2. Bài giảng của giảng viên ở một học phần	54	10,71
3. Mạng xã hội	120	23,81
4. Đài phát thanh truyền hình	18	3,57
5. Khác	5	0,99
Tổng cộng	504	100,00

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2024

năng tài chính, đa phần học viên đồng ý với nhận định TC3, việc sử dụng vốn tự có để khởi nghiệp vẫn là ưu tiên hàng đầu so với các nguồn ngân sách được huy động từ bên ngoài. Đối với hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo rất phù hợp với Quyết định số: 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2016). (Bảng 3)

Ngoài ra, kiến thức được xem là tài nguyên quý giá, khi nắm bắt thông tin nhanh chóng, cá nhân có thể đưa ra quyết định đúng đắn. Điều này liên hệ mật thiết với cơ hội kinh doanh, mạng xã hội như Facebook và Tiktok giúp tiếp cận, tăng cường tương tác và xây dựng lòng tin với khách hàng. Kỳ vọng khởi nghiệp thành công có mức độ đồng ý khá cao, tương ứng với thái độ khởi nghiệp.

4.3. Thực trạng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bằng mô hình spin-off tại trường đại học đa ngành

Bảng 4 cho thấy ý định khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bằng mô hình doanh nghiệp spin-off tại trường đại học đa ngành đang nhận được sự quan tâm từ phía học viên. Giá trị trung bình của tất cả thang đo đều ở mức cao cho thấy học viên có xu hướng đồng thuận và sẵn sàng theo đuổi con đường này. YD3 được đánh giá cao nhất (3,835) và có đến 47,42% đáp viên đồng ý,

Bảng 3. Thống kê mô tả các thang đo

Ký hiệu	Thang đo	Số thang đo	Trung bình	Phân loại
GD	Nền tảng từ truyền thống gia đình	5	3,264	Đồng ý
DT	Đào tạo và giáo dục khởi nghiệp	6	3,819	Đồng ý
TC	Khả năng tài chính	5	3,208	Đồng ý
KN	Kinh nghiệm kinh doanh	5	3,526	Đồng ý
HST	Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	3,626	Đồng ý
CQ	Chuẩn chủ quan	5	3,745	Đồng ý
DD	Đặc điểm và tính cách cá nhân	6	3,916	Đồng ý
KT	Kiến thức, kỹ năng và thông tin kinh doanh	5	3,377	Đồng ý
NT	Nhận thức kiểm soát hành vi	5	3,120	Trung lập
CH	Cơ hội kinh doanh	5	3,751	Đồng ý
TT	Tự tin khi khởi nghiệp	5	3,312	Trung lập
KV	Kỳ vọng khởi nghiệp thành công	5	3,692	Đồng ý
TD	Thái độ khởi nghiệp	5	3,660	Đồng ý

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả từ dữ liệu điều tra (sử dụng phần mềm SPSS.27), 2024

Bảng 4. Thống kê mô tả ý định khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Ký hiệu	Thang đo	Trung bình	Phân loại
YD1	Anh/chị sẽ tạo ra một doanh nghiệp spin-off trong tương lai.	3,450	Đồng ý
YD2	Anh/chị cố gắng để doanh nghiệp của mình sớm thành lập.	3,593	Đồng ý
YD3	Anh/chị suy nghĩ rất nghiêm túc khi thành lập doanh nghiệp.	3,835	Đồng ý
YD4	Sau khi công việc và học tập ổn định, anh/chị sẽ kinh doanh.	3,815	Đồng ý
YD5	Anh/chị sẵn sàng đầu tư nguồn lực để khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	3,522	Đồng ý
TD	Ý định khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bằng mô hình spin-off	3,643	Đồng ý

Nguồn: Kết quả từ phần mềm SPSS.27, 2024

phản ánh sự thay đổi tích cực trong nhận thức về khởi nghiệp. (Bảng 4)

Chỉ 1,39% học viên hoàn toàn không đồng ý với quan điểm YD4, khi cuộc sống dần ổn định, mọi người không chỉ muốn làm thuê, mà thiên về hướng kinh doanh để phát triển sự nghiệp riêng. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước, sự phát triển của vườn ươm, cùng với doanh nghiệp và nhà trường tạo động lực mạnh mẽ cho học viên. Tuy nhiên, sinh viên thường thiếu kinh nghiệm quản lý, khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh bài bản và tìm kiếm các nguồn lực để thực hiện đầu tư.

5. Kết luận và đề xuất

Để thương mại hóa kết quả nghiên cứu, trường đại học đa ngành nói chung cần có chính sách tăng cường hỗ trợ phát triển doanh nghiệp spin-off. Thông qua một số hoạt động thực tế về chuyển giao công nghệ cho thấy, việc thương mại hóa một sản phẩm từ kết quả nghiên cứu bằng cách liên kết với các doanh nghiệp tiềm năng, đặc biệt là hệ thống các chính sách liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu tài sản trí tuệ giữa trường, nhà khoa học và doanh nghiệp. Tuy nhiên, để đạt thành công bước đầu, phải đảm bảo phân chia lợi

ích rõ ràng, trên tinh thần các bên đều hưởng lợi. Dựa trên nguyên tắc này giữ được quyền bảo hộ tài sản trí tuệ của trường, tạo động lực cho nhà nghiên cứu, khai thác quyền sở hữu để liên kết với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ có khả năng tự chủ và năng lực vận hành nên chuyển đổi thành doanh nghiệp để tạo điều kiện mở rộng kinh doanh.

Để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, trước hết cần đảm bảo sự đồng bộ về thể chế, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Hệ thống luật pháp cần cho phép các viện/trường được sở hữu và có quyền sử dụng đối với các sản phẩm nghiên cứu xuất phát từ ngân sách nhà nước. Cơ quan quản lý cần có hướng dẫn thực thi, nới lỏng và đơn giản hóa thủ tục mua bán, nhượng quyền để các nhà khoa học có động lực tham gia thương mại. Một điểm luan trọng là Nhà nước cần tháo gỡ quy định không cho phép công chức, viên chức, giảng viên trong trường đại học công lập thành lập hoặc tham gia quản lý doanh nghiệp trong các bộ luật hiện hành (Luật số: 52/2019/QH14, Quốc hội, 2019) ■

Lời cảm ơn:
Xin chân thành cảm ơn “Chương trình học bổng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong nước” của Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VINIF) thuộc Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn (VNCDDL); Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Cần Thơ - B2024-TCT-17, Trường Đại học Bạc Liêu đã tài trợ kinh phí giúp nhóm tác giả thực hiện thành công nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Minh, N. N., Thụ, L. V. & Nam, L. N. (2022). Quốc gia khởi nghiệp, Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Chính sách phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới. Trường Đại học Kinh tế quốc dân. NXB: Văn hóa dân tộc, 42-49.
2. Nam, M. V. (2008). Hiệu quả đầu tư phát triển ở TP. Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, (9), 86-94.
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Luật Khoa học công nghệ số: 29/2013/QH13.
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019). Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số: 52/2019/QH14.
5. Thống, N. H. (2022). Thành lập doanh nghiệp spin-off: Góc nhìn từ trường đại học. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 06, 14-18.
6. Thu, N. A., Hương, V. T., & Mai, N. T. T. (2018). Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các quỹ đổi mới công nghệ nhà nước Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh, 34(1), 15-23.
7. Thủ tướng Chính phủ (2016). Quyết định số 844/QĐ-TTg (18/05/2016): Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025”.
8. Trường Đại học Cần Thơ (2023). Báo cáo thống kê định kỳ số: 157/BC-ĐHCT.
9. Boissin, J. P., Branchet, B., Emin, S., & Herbert, J. I. (2009). Students and entrepreneurship: a comparative study of France and the United States. *Journal of Small Business & Entrepreneurship*, 22(2), 101-122.
10. Bellini, E., Capaldo, G., Raffa, M., & Zollo, G. (1999). I percorsi strategici degli spin-off accademici. *Economia Marche*, 1.
11. Katz, B. (2007). The integration of project management processes with a methodology to manage a radical innovation project. Doctoral dissertation, Stellenbosch: University of Stellenbosch).
12. Klostén, M., & Jones-Evans, D. (2000). Comparing academic entrepreneurship in Europe the case of Sweden and Ireland. *Small business economics*, 14, 299-309.
13. Li, Z., He, S., Ning, J., Liu, Z., Zhang, J., & Du, X. (2020). Business model transfer mechanism: A study about spin-off entrepreneurship based on the grounded theory. *Nankai Business Review International*, 11(1), 44-68.
14. Miranda, F. J., Chamorro-Mera, A., & Rubio, S. (2017). Academic entrepreneurship in Spanish universities: An analysis of the determinants of entrepreneurial intention. *European research on management and business economics*, 23(2), 113-122.
15. OECD (2005). Oslo manual: Guidelines for collecting and interpreting innovation data. Paris: OECD Publishing, third edition.
16. Smilor, R. W., Gibson, D. V., & Dietrich, G. B. (1990). University spin-out companies: technology start-ups from UT-Austin. *Journal of business venturing*, 5(1), 63-76.
17. Steinmetz, H., Isidor, R., & Bauer, C. (2021). Gender differences in the intention to start a business: An updated and extended meta-analysis. *Zeitschrift für Psychologie*, 229(1), 70-84. <https://doi.org/10.1027/2151-2604/a000435>
18. Weatherston, J. (1995). Academic Entrepreneurs: Is a spin-off Company too risky. *Proceedings of the*

Ngày nhận bài: 27/11/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 13/12/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 29/12/2024

**INNOVATIVE STARTUP INTENTIONS
AND SPIN-OFF BUSINESS MODELS
IN MULTIDISCIPLINARY UNIVERSITIES:
CURRENT SITUATION AND INFLUENCING FACTORS**

● HUYNH VAN BINH¹

● PHAN VAN DAN²

● CHAU THI LE DUYEN¹

● NGUYEN TRONG NGUYEN¹

● NGUYEN HUYNH NHU¹

¹School of Economics - Can Tho University

²Bac Lieu University

ABSTRACT:

This study examines innovative entrepreneurship within a multidisciplinary university setting by assessing the spin-off business model through a survey of 504 respondents, including undergraduate, master's, and doctoral students. Using a five-point Likert scale, 13 key factors influencing spin-off enterprise formation were analyzed. The results reveal a strong willingness among students to establish spin-off businesses, with personal characteristics and traits identified as the most significant determinants. These findings highlight the need for targeted strategies to foster entrepreneurial capabilities and support spin-off development within academic institutions.

Keywords: entrepreneurial intention, innovation, spin-off.